

Số: 539 /BC-UBND

Cầu Ngang, ngày 06 tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ năm 2023 trên địa bàn huyện Cầu Ngang.

Kính gửi: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Thực hiện Công văn số 2803/VP-THNV ngày 29/9/2023 của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ. Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang báo cáo kết quả rà soát, đề xuất phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ cấp huyện, cấp xã được áp dụng trên địa bàn huyện, cụ thể như sau:

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN.

1. Lĩnh vực Y tế.

1.1. Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Phòng Y tế.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 08 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 01 ngày so với thời gian quy định).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 30.892.795 đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 28.804.505 đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 2.088.290 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6.76%.

c) Kiến nghị thực thi:

- Đề xuất sửa đổi khoản b Điều 36, Luật An toàn thực phẩm, số 55/2010/QH12 của Quốc Hội Quy định về Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm có nội dung “Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm; nếu đủ điều kiện thì phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; trường hợp từ chối thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do”.

2. Lĩnh vực Người có công với cách mạng.

2.1. Thủ tục Giải quyết chế độ mai táng phí cựu chiến binh

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 05 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 01 ngày so với thời gian quy định).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **47.868.800** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **37.203.000** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 10.665.720 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22.28%.

2.2. Thủ tục Đề nghị xét tặng hoặc truy tặng Danh hiệu vinh dự nhà nước Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 15 ngày làm việc xuống còn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 01 ngày so với thời gian quy định).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 142.632.000 đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 131.0966.280 đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 10.665.720 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 7.48%

2.3. Thủ tục Xác nhận và giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 07 ngày làm việc xuống còn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 01 ngày so với thời gian quy định).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 66.844.480 đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 54.993.680 đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 11.850.800 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 17.73%

2.4. Thủ tục Hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 07 ngày làm việc xuống còn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 1 ngày so với thời gian quy định).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 66.844.480 đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 54.993.680 đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 11.850.800 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 17.73%.

2.5. Thủ tục Thực hiện trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, người có công với cách mạng đã chết.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 10 ngày làm việc xuống còn 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 1 ngày so với thời gian quy định).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 95.272.000 đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 84.606.280 đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 10.665.720 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11.20%.

2.6. Thủ tục Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 07 ngày làm việc xuống còn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 1 ngày so với thời gian quy định).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 66.815.680 đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 56.149.960 đồng/năm;
- + Chi phí tiết kiệm: 10.665.720 đồng/năm;
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15.96%.

2.7. Thủ tục Hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 05 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 01 ngày so với thời gian quy định).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 47.883.200 đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 37.217.480 đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 10.665.720 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22.27%.

2.8. Thủ tục Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sỹ.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 07 ngày làm việc xuống còn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 01 ngày so với thời gian quy định).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 66.844.480 đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 54.993.680 đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 11.850.800 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 17,73%.

2.9. Thủ tục Hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 05 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 01 ngày so với thời gian quy định).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 47.883.200 đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 37.217.480 đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 10.665.720 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22.27%.

c) Kiến nghị thực thi: Không

2.10. Thủ tục Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 07 ngày làm việc xuống còn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 01 ngày so với thời gian quy định).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 66.844.480 đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 54.993.680 đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 11.850.800 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 17.73%.

3. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội

3.1. Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 35 ngày làm việc xuống còn 33 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 02 ngày so với thời gian quy định).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **16.589.680** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **15.524.548** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 1.065.132 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,42%.

c) Kiến nghị thực thi:

- Đề xuất sửa đổi khoản 2 Điều 17, Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội, có nội dung “Cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng

ký thành lập có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. Trường hợp từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở thì phải thông báo bằng văn bản cho người thành lập cơ sở biết và nêu rõ lý do”. Đề xuất sửa đổi thành “*Cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trong thời hạn 05 ngày làm việc ... nêu rõ lý do*” **giảm 02 ngày làm việc.**

3.2. Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 40 ngày làm việc xuống còn 35 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (*giảm 05 ngày so với thời gian quy định*).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **23.817.228** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **21.447.068** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 2.370.160 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,70%.

c) Kiến nghị thực thi:

- Đề xuất sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 22, Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội, có nội dung “Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phải có quyết định giải thể. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền không đồng ý việc giải thể cơ sở thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. Cơ sở trợ giúp xã hội không được tự động giải thể khi chưa nhận được quyết định giải thể của cơ quan có thẩm quyền”. Đề xuất sửa đổi thành “*Trong thời hạn 10 ngày làm việc... cơ quan có thẩm quyền*” **giảm 05 ngày làm việc.**

3.3. Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 05 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (*giảm 01 ngày so với thời gian quy định*).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **2.959.820** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **2.485.788** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 474.032 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 16,06%.

c) *Kiến nghị thực thi:*

- Đề xuất sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 20, Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội, có nội dung “Cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập có trách nhiệm xem xét hồ sơ và cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập mới theo đề nghị của cơ sở trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị đăng ký. Trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản cho cơ sở đề nghị đăng ký thay đổi biết và nêu rõ lý do hoặc các yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ”. Đề xuất sửa đổi thành “*Cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập có trách nhiệm xem xét hồ sơ và cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập mới theo đề nghị của cơ sở trong thời hạn 04 ngày làm việc ... yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ*” **giảm 01 ngày làm việc.**

3.4. Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.

a) *Nội dung đơn giản hóa:*

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 15 ngày làm việc xuống còn 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 02 ngày so với thời gian quy định).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) *Lợi ích của phương án đơn giản hóa:*

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **7.109.040** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **6.160.976** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 948.064 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,34%.

c) *Kiến nghị thực thi:*

- Đề xuất sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 22, Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội, có nội dung “Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phải có quyết định giải thể. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền không đồng ý việc giải thể cơ sở thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. Cơ sở trợ giúp xã hội không được tự động giải thể khi chưa nhận được quyết định giải thể của cơ quan có thẩm quyền”. Đề xuất sửa đổi thành “*Trong thời hạn 13 ngày làm việc... cơ quan có thẩm quyền*” **giảm 02 ngày làm việc.**

3.5. Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 15 ngày làm việc xuống còn 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 02 ngày so với thời gian quy định).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **7.109.040** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **6.160.976** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 948.064 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,34%.

c) Kiến nghị thực thi:

- Đề xuất sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 20, Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội, có nội dung “Cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập có trách nhiệm xem xét hồ sơ và cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập mới theo đề nghị của cơ sở trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị đăng ký. Trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản cho cơ sở đề nghị đăng ký thay đổi biết và nêu rõ lý do hoặc các yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ”. Đề xuất sửa đổi thành “Cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập có trách nhiệm xem xét hồ sơ và cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập mới theo đề nghị của cơ sở trong thời hạn 03 ngày làm việc ... yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ” **giảm 02 ngày làm việc.**

4. Lĩnh Vực Tiếp công dân, xử lý đơn thư, khiếu nại tố cáo, phòng chống tham nhũng.

4.1. Thủ tục tiếp công dân:

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 10 ngày làm việc xuống còn 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 01 ngày so với thời gian quy định).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **118.472.000** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **106.648.200** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 11.823.800đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 9,98%.

c) Kiến nghị thực thi:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28 Luật Tiếp công dân (Luật số: 42/2013/QH13) ngày 25 tháng 11 năm 2013 quy định thời gian thực hiện thủ tục tiếp công dân là 10 ngày làm việc: “trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh”.

4.2. Thủ tục Xử lý đơn

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 10 ngày làm việc xuống còn 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 01 ngày so với thời gian quy định).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **94.777.600** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **85.318.560** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 9.459.040 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 9,98%.

c) Kiến nghị thực thi:

Căn cứ Điều 27 Luật Khiếu nại 2011 quy định thụ lý giải quyết khiếu nại như sau: “Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại thuộc thẩm quyền mà không thuộc một trong các trường hợp được quy định tại Điều 11 của Luật này, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu phải thụ lý giải quyết; thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chuyển khiếu nại đến và cơ quan thanh tra nhà nước cùng cấp biết, trường hợp không thụ lý giải quyết thì phải nêu rõ lý do”.

4.3. Thủ tục giải quyết khiếu nại lần 2

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 45 ngày làm việc xuống còn 43,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 1,5 ngày so với thời gian quy định).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **53.025.130** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **51.545.580** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 1.479.550 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2,79%.

c) Kiến nghị thực thi:

Căn cứ Điều 37 Luật Khiếu nại (Luật số: 02/2011/QH13) ngày 11 tháng 11 năm 2011 quy định thời hạn giải quyết khiếu nại lần 2 là 45 ngày “*Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý*”.

4.4. Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 05 ngày làm việc xuống còn 4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (*giảm 0,5 ngày so với thời gian quy định*).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **5.918.200** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **5.326.560** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 591.640 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

c) Kiến nghị thực thi:

Khoản 4 Điều 11. Số: 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng. Tiếp nhận yêu cầu giải trình Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu, người giải trình phải thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu giải trình về việc giải quyết hoặc không giải quyết và nêu rõ lý do

5. Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước, kinh doanh khí, công nghiệp địa phương, xây dựng.

5.1. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 30 ngày làm việc xuống còn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (*giảm 05 ngày so với thời gian quy định*).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **131.529.480** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **105.161.450** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 26.368.030 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20,05%.

c) *Kiến nghị thực thi:*

- Căn cứ theo khoản 1, Điều 15 Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định về bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu quy định: “*Địa điểm và thời gian tiếp nhận hồ sơ, sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Hội đồng bình chọn các cấp*”.

- Căn cứ theo Quyết định số: 347/QĐ -UBND ngày 22/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh Về việc công bố mới Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Công Thương quy định tại Phụ lục kèm theo quy định thời gian là 30 ngày.

- Đề xuất sửa đổi thành “*Trong thời hạn 30 ngày làm việc.....*”, **giảm còn 25 ngày làm việc**

5.2. Thủ tục Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai.

a) *Nội dung đơn giản hóa:*

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 07 ngày làm việc xuống còn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 02 ngày so với thời gian quy định).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) *Lợi ích của phương án đơn giản hóa:*

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **26.071.760** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **20.738.900** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 5.332.860 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20,45%.

c) *Kiến nghị thực thi:*

- Đề xuất sửa đổi điểm D khoản 1 Điều 45, Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Đề xuất sửa đổi thành “*Trong thời hạn 07 ngày làm việc.....*”, **giảm còn 05 ngày làm việc.**

5.3. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai.

a) *Nội dung đơn giản hóa:*

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 07 ngày làm việc xuống còn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 01 ngày so với thời gian quy định).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) *Lợi ích của phương án đơn giản hóa:*

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **8.281.160** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **6.503.540** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 1.777.620 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 21,47%.

c) Kiến nghị thực thi:

- Đề xuất sửa đổi điểm D khoản 1 Điều 45, Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Đề xuất sửa đổi thành “*Trong thời hạn 07 ngày làm việc.....*”, **giảm còn 06 ngày làm việc.**

5.4. Thủ tục Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 07 ngày làm việc xuống còn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (*giảm 02 ngày so với thời gian quy định*).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **11.836.400** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **9.466.240** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 2.370.160 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20,02%.

c) Kiến nghị thực thi:

- Đề xuất sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 26, Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Đề xuất sửa đổi thành “*Trong thời hạn 07 ngày làm việc.....*”, **giảm còn 05 ngày làm việc.**

5.5. Thủ tục Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 07 ngày làm việc xuống còn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (*giảm 02 ngày so với thời gian quy định*).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **11.836.400** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **9.466.240** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 2.370.160 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20,02%.

c) Kiến nghị thực thi:

- Đề xuất sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 27, Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Đề xuất sửa đổi thành “*Trong thời hạn 07 ngày làm việc.....*”, **giảm còn 05 ngày làm việc.**

5.6. Thủ tục Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ rượu.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 07 ngày làm việc xuống còn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (*giảm 02 ngày so với thời gian quy định*).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **11.836.400** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **9.466.240** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 2.370.160 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20,02%.

c) Kiến nghị thực thi:

- Đề xuất sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 27, Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Đề xuất sửa đổi thành “*Trong thời hạn 07 ngày làm việc.....*”, **giảm còn 05 ngày làm việc.**

5.7. Thủ tục Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 07 ngày làm việc xuống còn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (*giảm 02 ngày so với thời gian quy định*).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **11.836.400** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **9.466.240** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 2.370.160 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20,02%.

c) Kiến nghị thực thi:

- Đề xuất sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 27, Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.
- Đề xuất sửa đổi thành “*Trong thời hạn 07 ngày làm việc.....*”, **giảm còn 05 ngày làm việc.**

5.8. Thủ tục Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 15 ngày làm việc xuống còn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 01 ngày so với thời gian quy định).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **21.317.040** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **16.872.990** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 4.444.050 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20,85%.

c) Kiến nghị thực thi:

- Đề xuất sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 38, Chương VII, Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Đề xuất sửa đổi thành “*Trong thời hạn 15 ngày làm việc.....*”, **giảm còn 14 ngày làm việc.**

5.9. Thủ tục Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 15 ngày làm việc xuống còn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 01 ngày so với thời gian quy định).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **13.021.480** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **10.355.050** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 2.666.430 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20,48%.

c) Kiến nghị thực thi:

- Đề xuất sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 27, Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Đề xuất sửa đổi thành “*Trong thời hạn 15 ngày làm việc.....*”, **giảm còn 14 ngày làm việc.**

5.10. Thủ tục Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục Từ 10 ngày làm việc xuống còn 9 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 01 ngày so với thời gian quy định) đối với công trình cấp IV.

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **14.206.560** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **11.243.860** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 2.962.700 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20,85%.

c) Kiến nghị thực thi:

- Đề xuất sửa đổi khoản 2 Điều 12, Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Quy chế phối hợp thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Đề xuất sửa đổi thành “*Trong thời hạn 10 ngày làm việc.....*”, **giảm còn 09 ngày làm việc.**

5.11. Thủ tục Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục Từ 08 ngày làm việc xuống còn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 01 ngày so với thời gian quy định) đối với nhà ở riêng lẻ.

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **10.651.320** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **8.577.430** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 2.073.890 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 19,47%.

c) Kiến nghị thực thi:

- Đề xuất sửa đổi khoản 3 Điều 14, Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Quy chế phối hợp

thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Đề xuất sửa đổi thành “*Trong thời hạn 08 ngày làm việc.....*”, **giảm còn 07 ngày làm việc.**

5.12. Thủ tục Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục *Từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc* kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (*giảm 01 ngày so với thời gian quy định*).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **7.096.080** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **5.614.730** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 1.481.350 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20,88%.

c) Kiến nghị thực thi:

- Đề xuất sửa đổi khoản 3 Điều 16, Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Quy chế phối hợp thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Đề xuất sửa đổi thành “*Trong thời hạn 03 ngày làm việc.....*”, **giảm còn 02 ngày làm việc.**

5.13. Thủ tục Bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục *Từ 45 ngày làm việc xuống còn 43 ngày làm việc* kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (*giảm 02 ngày so với thời gian quy định*).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **10.651.320** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **8.577.430** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 2.073.890 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 19,47%.

c) Kiến nghị thực thi:

- Đề xuất sửa đổi điểm d, khoản 2 Điều 69, Nghị định số 99/2015/NĐ- CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

- Đề xuất sửa đổi thành “*Trong thời hạn 45 ngày làm việc.....*”, **giảm còn 43 ngày làm việc.**

6. Lĩnh vực Thi đua khen thưởng.

6.1. Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 20 ngày làm việc xuống còn 19 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 01 ngày so với thời gian quy định).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **18.958.400** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **18.010.336** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: **948.064** đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **5 %**.

c) Kiến nghị thực thi:

Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 48 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 07 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật thi đua, khen thưởng, quy định “*Thời gian thẩm định hồ sơ khen thưởng ở cấp xã, cấp huyện thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương:*

Hình thức khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã, cấp huyện và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương: Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.

6.2. Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 20 ngày làm việc xuống còn 19 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 01 ngày so với thời gian quy định).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **236.980.000** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **225.129.200** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: **11.850.800** đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **5 %**.

c) *Kiến nghị thực thi:*

Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 48 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 07 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật thi đua, khen thưởng, quy định “*Thời gian thẩm định hồ sơ khen thưởng ở cấp xã, cấp huyện thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương:*

Hình thức khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã, cấp huyện và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương: Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.

6.3. Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở.

a) *Nội dung đơn giản hóa:*

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 20 ngày làm việc xuống còn 19 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 01 ngày so với thời gian quy định).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) *Lợi ích của phương án đơn giản hóa:*

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **94.792.000** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **90.051.680** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: **4.740.320** đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **5 %**.

c) *Kiến nghị thực thi:*

Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 48 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 07 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật thi đua, khen thưởng, quy định “*Thời gian thẩm định hồ sơ khen thưởng ở cấp xã, cấp huyện thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương:*

Hình thức khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã, cấp huyện và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương: Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.

6.4. Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến.

a) *Nội dung đơn giản hóa:*

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 20 ngày làm việc xuống còn 19 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 01 ngày so với thời gian quy định).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **47.396.000** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **45.025.840** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: **2.370.160** đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **5 %**.

c) Kiến nghị thực thi:

Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 48 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 07 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật thi đua, khen thưởng, quy định “*Thời gian thẩm định hồ sơ khen thưởng ở cấp xã, cấp huyện thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương:*

Hình thức khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã, cấp huyện và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương: Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.

7. Lĩnh vực Nông nghiệp, thủy lợi, thủy sản, lâm nghiệp, Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn, Khoa học, công nghệ, môi trường và khuyến nông.

7.1. Thủ tục thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư).

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 19 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 04 ngày so với thời gian quy định).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **22.509.320** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **17.774400** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 4.734.920 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 21,04%.

c) Kiến nghị thực thi:

- Căn cứ Quyết định số: 721/QĐ -UBND ngày 14/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tại Phụ lục kèm theo quy định thời gian là 19 ngày.

- Đề xuất sửa đổi thành “*Trong thời hạn 19 ngày làm việc.....*”, giảm còn 15 ngày làm việc.

7.2. Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND huyện

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 30 ngày làm việc xuống còn 27 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 03 ngày so với thời gian quy định).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **21.327.120** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **18.930.573** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 2.396.547 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11,24%.

c) Kiến nghị thực thi:

- Căn cứ Quyết định số: 721/QĐ -UBND ngày 14/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tại Phụ lục kèm theo quy định thời gian là 19 ngày.

- Đề xuất sửa đổi thành “*Trong thời hạn 30 ngày làm việc.....*”, giảm còn 27 ngày làm việc.

7.3. Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi do UBND cấp tỉnh phân cấp (UBND huyện phê duyệt)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 25 ngày làm việc xuống còn 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 03 ngày so với thời gian quy định).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **17.771.880** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **15.641.976** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 2.129.904 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11,98%.

c) *Kiến nghị thực thi:*

- Căn cứ Quyết định số: 721/QĐ -UBND ngày 14/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tại Phụ lục kèm theo quy định thời gian là 25 ngày.

- Đề xuất sửa đổi thành “*Trong thời hạn 25 ngày làm việc.....*”, giảm còn 22 ngày làm việc.

7.4. Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp huyện)

a) *Nội dung đơn giản hóa:*

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 60 ngày làm việc xuống còn 52 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 08 ngày so với thời gian quy định).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) *Lợi ích của phương án đơn giản hóa:*

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **28.439.040** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **24.648.944** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 3.790.096 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,33%.

c) *Kiến nghị thực thi:*

- Căn cứ Quyết định số: 721/QĐ -UBND ngày 14/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tại Phụ lục kèm theo quy định thời gian là 60 ngày.

- Đề xuất sửa đổi thành “*Trong thời hạn 60 ngày làm việc.....*”, giảm còn 52 ngày làm việc.

7.5. Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)

a) *Nội dung đơn giản hóa:*

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 60 ngày làm việc xuống còn 50 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 10 ngày so với thời gian quy định).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) *Lợi ích của phương án đơn giản hóa:*

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **28.439.040** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **23.700.880** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 4.738.160 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 16,66%.

c) Kiến nghị thực thi:

- Căn cứ Quyết định số: 721/QĐ -UBND ngày 14/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tại Phụ lục kèm theo quy định thời gian là 60 ngày.

- Đề xuất sửa đổi thành “*Trong thời hạn 60 ngày làm việc.....*”, giảm còn 50 ngày làm việc.

7.6. Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 60 ngày làm việc xuống còn 50 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 10 ngày so với thời gian quy định).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **42.658.560** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **34.840.272** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 7.818.288 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 18,33%.

c) Kiến nghị thực thi:

- Căn cứ Quyết định số: 721/QĐ -UBND ngày 14/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tại Phụ lục kèm theo quy định thời gian là 60 ngày.

- Đề xuất sửa đổi thành “*Trong thời hạn 60 ngày làm việc.....*”, giảm còn 50 ngày làm việc.

7.7. Công bố công khai

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 60 ngày làm việc xuống còn 50 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 10 ngày so với thời gian quy định).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **14.219.520** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **11.850.440**
- + Chi phí tiết kiệm: 2.369.080 đồng/năm;
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 16,66%.

c) Kiến nghị thực thi:

- Căn cứ Quyết định số: 721/QĐ -UBND ngày 14/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tại Phụ lục kèm theo quy định thời gian là 60 ngày.

- Đề xuất sửa đổi thành “*Trong thời hạn 60 ngày làm việc.....*”, giảm còn 50 ngày làm việc.

8. Lĩnh vực Văn hóa, gia đình, thư viện.

8.1. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 15 ngày làm việc xuống còn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 01 ngày so với thời gian quy định).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **35.545.200** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **30.212.340** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 5.332.860 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10.57%.

c) Kiến nghị thực thi:

Đề xuất sửa đổi thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của UBND tỉnh Trà Vinh phê duyệt các quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC trong phạm vi, chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại phụ lục 2 Quy trình nội bộ thủ tục hành chính lĩnh vực Văn hóa, Thể thao, Du lịch và Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện từ 15 ngày làm việc (tính từ thời gian nhận hồ sơ hợp lệ) xuống 14 ngày làm việc (giảm 01 ngày làm việc)

8.2. Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 08 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 01 ngày so với thời gian quy định).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) *Lợi ích của phương án đơn giản hóa:*

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **21.024.370** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **18.654.210** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 2.370.160 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 27.16%

c) *Kiến nghị thực thi:* Đề xuất sửa đổi thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của UBND tỉnh Trà Vinh phê duyệt các quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC trong phạm vi, chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại phụ lục 2 Quy trình nội bộ thủ tục hành chính lĩnh vực Văn hóa, Thể thao, Du lịch và Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện từ 08 ngày làm việc (tính từ thời gian nhận hồ sơ hợp lệ) xuống 07 ngày làm việc (giảm 01 ngày làm việc)

8.3. Thủ tục Đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.

a) *Nội dung đơn giản hóa:*

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 10 ngày làm việc xuống còn 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 01 ngày so với thời gian quy định).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) *Lợi ích của phương án đơn giản hóa:*

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **11.847.200** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **10.662.120** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 1.185.080 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 26.08%

c) *Kiến nghị thực thi:* Đề xuất sửa đổi thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của UBND tỉnh Trà Vinh phê duyệt các quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC trong phạm vi, chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại phụ lục 2 Quy trình nội bộ thủ tục hành chính lĩnh vực Văn hóa, Thể thao, Du lịch và Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện từ 10 ngày làm việc (tính từ thời gian nhận hồ sơ hợp lệ) xuống 09 ngày làm việc (giảm 01 ngày làm việc)

8.4. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình phục vụ cộng đồng.

a) *Nội dung đơn giản hóa:*

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 15 ngày làm việc xuống còn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 1 ngày so với thời gian quy định).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **17.772.600** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **16.587.520** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 1.185.080 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 26.08%.

c) Kiến nghị thực thi:

Đề xuất sửa đổi thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của UBND tỉnh Trà Vinh phê duyệt các quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC trong phạm vi, chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại phụ lục 2 Quy trình nội bộ thủ tục hành chính lĩnh vực Văn hóa, Thể thao, Du lịch và Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện từ 15 ngày làm việc (tính từ thời gian nhận hồ sơ hợp lệ) xuống 14 ngày làm việc (giảm 01 ngày làm việc).

8.5. Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 08 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 1 ngày so với thời gian quy định).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **9.477.040** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **8.291.960** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 1.185.080 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 26.08%.

c) Kiến nghị thực thi: Đề xuất sửa đổi thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của UBND tỉnh Trà Vinh phê duyệt các quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC trong phạm vi, chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại phụ lục 2 Quy trình nội bộ thủ tục hành chính lĩnh vực Văn hóa, Thể thao, Du lịch và Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện từ 15 ngày làm việc (tính từ thời gian nhận hồ sơ hợp lệ) xuống 14 ngày làm việc (giảm 01 ngày làm việc)

8.6. Thủ tục Đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 10 ngày làm việc xuống còn 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 1 ngày so với thời gian quy định).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **11.847.200** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **10.662.120** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 1.185.080 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 26.08%.

c) Kiến nghị thực thi: Đề xuất sửa đổi thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của UBND tỉnh Trà Vinh phê duyệt các quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC trong phạm vi, chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại phụ lục 2. Quy trình nội bộ thủ tục hành chính lĩnh vực Văn hóa, Thể thao, Du lịch và Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện từ 10 ngày làm việc (tính từ thời gian nhận hồ sơ hợp lệ) xuống 09 ngày làm việc (giảm 01 ngày làm việc).

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Lĩnh vực Hộ tịch

1.1. Thủ tục đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 30 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 15 ngày so với thời gian quy định).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Kiến nghị thực thi:

- Đề xuất khoản 2 Điều 19, Luật nuôi con nuôi 2010, có nội dung “Thời hạn giải quyết việc nuôi con nuôi là 30 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nhận đủ hồ sơ hợp lệ” Đề xuất sửa đổi thành “Thời hạn giải quyết việc nuôi con nuôi là 15 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nhận đủ hồ sơ hợp lệ” **giảm 15 ngày làm việc.**

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **7.110.480** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **3.555.240** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 3.555.240 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%.

1.2. Thủ tục Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được).

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 01 ngày làm việc xuống còn 0,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 0,5 ngày so với thời gian quy định).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **237.016** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **118.508** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: **118.508** đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%.

b) Kiến nghị thực thi:

- Đề xuất bổ sung quy định thời hạn chứng thực chữ ký trong Thông tư 01/2020/TT – BTP, ngày 03/03/2020 của Bộ tư pháp Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

1.3. Thủ tục Đăng ký giám hộ:

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 3 ngày làm việc xuống còn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 0,5 ngày so với thời gian quy định).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **1.420.656** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **1.065.132** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 335.524 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25,03%.

c) Kiến nghị thực thi:

Khoản 2 Điều 20 Luật Hộ tịch năm 2014 có quy định. “Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này, nếu thấy đủ điều kiện theo quy định pháp luật thì công chức tư pháp - hộ tịch ghi vào Sổ hộ tịch và cùng người đi đăng ký giám hộ ký vào Sổ hộ tịch, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp trích lục cho người yêu cầu”. **Đề xuất sửa đổi thành Trong thời hạn 2,5 ngày (20 giờ) làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy**

định tại khoản 1 Điều này, nếu thấy đủ điều kiện theo quy định pháp luật thì công chức tư pháp - hộ tịch ghi vào Sổ hộ tịch và cùng người đi đăng ký giám hộ ký vào Sổ hộ tịch, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp trích lục cho người yêu cầu” **giảm 0,5 ngày làm việc**

1.4. Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 5 ngày làm việc xuống còn 4 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 01 ngày so với thời gian quy định).

Lý do: Nhằm cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục, để hạn chế mất thời gian và chi phí đi lại của cá nhân người dân.

b) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.368.720 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.776.180 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 592.540 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25,02%.

c) Kiến nghị thực thi

Khoản 1 Điều 26 Thông tư 04/2020/TT-BTP có quy định “Thời hạn trả kết quả đăng ký kết hôn lưu động không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận”.

Khoản 2 Điều 26 Thông tư 04/2020/TT-BTP có quy định “Trong thời hạn 05 ngày theo quy định tại khoản 1 Điều này, nếu xét thấy các bên có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, công chức tư pháp - hộ tịch trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký Giấy chứng nhận kết hôn, sau đó tiến hành trao Giấy chứng nhận kết hôn cho các bên tại địa điểm đăng ký lưu động”.

Đề xuất sửa đổi thành “Trong thời hạn 04 ngày theo quy định tại khoản 1 Điều này, nếu xét thấy các bên có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, công chức tư pháp - hộ tịch trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký Giấy chứng nhận kết hôn, sau đó tiến hành trao Giấy chứng nhận kết hôn cho các bên tại địa điểm đăng ký lưu động”. **giảm 01 ngày làm việc.**

1.5. Đăng ký khai sinh lưu động.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 5 ngày (40 giờ) làm việc xuống còn 4 ngày (32 giờ) làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 01 ngày so với thời gian quy định).

Lý do: Nhằm cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục, để hạn chế mất thời gian và chi phí đi lại của cá nhân người dân.

b) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.378.720 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.657.672 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 721.048 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30,31%.

c) Kiến nghị thực thi

Khoản 1 Điều 25 Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp có quy định “*Thời hạn trả kết quả đăng ký khai sinh, khai tử lưu động không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận*” Đề xuất sửa đổi thành “*Thời hạn trả kết quả đăng ký khai sinh, khai tử lưu động không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận*”

Khoản 3 Điều 25 Thông tư 04/2020/TT-BTP có quy định. “*Trong thời hạn 05 ngày theo quy định tại khoản 1 Điều này công chức tư pháp - hộ tịch đem theo giấy tờ hộ tịch và Sổ hộ tịch để trả kết quả cho người có yêu cầu tại địa điểm đăng ký lưu động; hướng dẫn người dân ký, ghi rõ họ, tên trong Sổ hộ tịch theo quy định; tại mục Ghi chú trong Sổ hộ tịch ghi rõ “Đăng ký lưu động”*”. **Đề xuất sửa đổi thành** “*Trong thời hạn 04 ngày theo quy định tại khoản 1 Điều này công chức tư pháp - hộ tịch đem theo giấy tờ hộ tịch và Sổ hộ tịch để trả kết quả cho người có yêu cầu tại địa điểm đăng ký lưu động; hướng dẫn người dân ký, ghi rõ họ, tên trong Sổ hộ tịch theo quy định; tại mục Ghi chú trong Sổ hộ tịch ghi rõ “Đăng ký lưu động”*”. **giảm 01 ngày làm việc.**

2. Lĩnh vực Chứng thực

2.1. Thủ tục chứng thực di chúc.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 02 ngày làm việc xuống còn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (*giảm 01 ngày so với thời gian quy định*).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **441.778** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **222.203** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: **222.203** đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%.

c) Kiến nghị thực thi:

- Đề xuất Điều 27, Nghị định 23/2015/NĐ – CP, ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch có nội dung “*Thời hạn chứng thực hợp đồng, giao dịch không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực*” Đề xuất sửa đổi thành “*Thời hạn chứng thực hợp đồng, giao dịch không quá 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực*” **giảm 01 ngày làm việc.**

2.2 Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 02 ngày làm việc xuống còn 1 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 1 ngày so với thời gian quy định).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Kiến nghị thực thi:

- Đề xuất Điều 27, Nghị định 23/2015/NĐ – CP, ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch có nội dung “Thời hạn chứng thực hợp đồng, giao dịch không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực” Đề xuất sửa đổi thành “Thời hạn chứng thực hợp đồng, giao dịch không quá 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực” **giảm 01 ngày làm việc.**

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **165.911.200** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **88.881.000** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: **88.881.000** đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%.

3. Lĩnh vực đất đai.

3.1. Thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai:

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 45 ngày làm việc xuống còn 40 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 05 ngày so với thời gian quy định).

- Lý do: Giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 127.954.080 đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 113.750.400 đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 14.203.680 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11,1%.

c) Kiến nghị thực thi:

Căn cứ Khoản 3 Điều 202 Luật Tiếp đất đai năm 2013 (Luật số: 45/2013/QH13) quy định thời gian thực hiện thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai là 45 ngày, kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai, đề nghị chính từ 45 ngày còn 40 ngày, giảm 05 ngày.

3. Lĩnh vực môi trường.

3.1. Thủ tục tham vấn trong đánh giá tác động môi trường.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 15 ngày làm việc xuống còn 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 02 ngày so với thời gian quy định).

- Lý do: giảm thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **414.778** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **222.203** đồng/năm;

+ Chi phí tiết kiệm: 192.576 đồng/năm;

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 46,4%.

c) **Kiến nghị thực thi:** Căn cứ khoản 3 Điều 26 Nghị định 08/2022/NĐ-CP quy định Trước khi trình cấp có thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án gửi nội dung tham vấn báo cáo đánh giá tác động môi trường quy định tại khoản 3 Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường đến đơn vị quản lý trang thông tin điện tử của cơ quan thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường để tham vấn các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này, trừ thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị đăng tải của chủ dự án, đơn vị quản lý trang thông tin điện tử của cơ quan thẩm định có trách nhiệm đăng tải nội dung tham vấn. Việc tham vấn được thực hiện trong thời hạn 15 ngày; hết thời hạn tham vấn, đơn vị quản lý trang thông tin điện tử có trách nhiệm gửi kết quả tham vấn cho chủ dự án. Chính thời gian từ 15 ngày còn 13 ngày.

4. Lĩnh vực thủy sản; Thủy Lợi; Bảo vệ thực vật; Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn.

4.1. Thủ tục xác nhận đề nghị cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 5 ngày làm việc xuống còn 4 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 01 ngày so với thời gian quy định).

Lý do: Nhằm cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục, để hạn chế mất thời gian và chi phí đi lại của cá nhân người dân.

b) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.214.360 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 710.328 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 504.032 đồng/năm.


- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 41,51%.

c) **Kiến nghị thực thi**

Khoản 3 điều 10 Thông tư 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 14/3/2011 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn có quy định. “Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, xác nhận Đơn đề nghị cấp, cấp đổi Giấy chứng nhận kinh tế trang trại và chuyển hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi Giấy chứng nhận kinh tế trang trại đến Ủy ban nhân dân cấp huyện”. **Đề xuất sử đổi thành** “Trong thời hạn 4 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, xác nhận Đơn đề nghị cấp, cấp đổi Giấy chứng nhận kinh tế trang trại và chuyển hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi Giấy chứng nhận kinh tế trang trại đến Ủy ban nhân dân cấp huyện”. **giảm 01 ngày làm việc**

Trên đây là kết quả rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ của Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang. Báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh năm, chỉ đạo./

Nơi nhận:

- Như trên (b/c);
- TTHU, TTHĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- LĐVP + NC;
- Các phòng, ban, ngành thuộc UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Trung tâm Văn hóa – TT&TT (đăng tải);
- Lưu: VT. 



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Ngà